

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện;

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Nhật L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lan H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc H1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản trình bày, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Lan H trình bày:

Bà Lê Thị Lan H và ông Đoàn Ngọc H1 sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 04/01/2009. Năm 2010, bà H và ông H1 chuyển vào làm kinh tế và sinh sống tại thôn M, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai cho đến nay. Bước đầu chung sống

H1 phúc, đến năm 2019 thì hai vợ chồng sống ly thân do không đồng quan điểm, không ai chịu nhường nhịn nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Cảm thấy cuộc hôn nhân không H1 phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Vì vậy, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi với ông H1. Bà H không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 03 người con là Đoàn Thị Diệu L, sinh ngày 07/10/2009; Đoàn Ngọc H3, sinh ngày 19/7/2012 và Đoàn Ngọc K, sinh ngày 27/3/2014. Hiện các con đang sống với bà H, ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 03 con chung, bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Ngọc H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Văn bản tố tụng nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc. Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa, do vậy, không có ý kiến của bị đơn ông Đoàn Ngọc H1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Lan H vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Ngọc H1, yêu cầu nuôi con chung là Đoàn Thị Diệu L, sinh ngày 07/10/2009; Đoàn Ngọc H3, sinh ngày 19/7/2012 và Đoàn Ngọc K, sinh ngày 27/3/2014. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Lan H đối với ông Đoàn Ngọc H1.

+ Về con chung: Giao con chung là Đoàn Thị Diệu L, sinh ngày 07/10/2009; Đoàn Ngọc H3, sinh ngày 19/7/2012 và Đoàn Ngọc K, sinh ngày 27/3/2014 cho bà Lê Thị Lan H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng chứng nhận kết hôn (bản chính) ; Bản sao Giấy khai sinh Đoàn Ngọc Khang, Đoàn Ngọc H3 ; Bản sao Trích lục khai sinh Đoàn Thị Diệu L ; Giấy xác nhận thông tin về cư trú ; Căn cước công dân Lê Thị Lan H (bản sao y) ; Đơn đề nghị từ chối hòa giải theo luật hòa giải ; Bản tự khai của nguyên đơn ; Biên bản xác minh ; Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Lan H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đoàn Ngọc H1. Đơn khởi kiện của bà Lê Thị Lan H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đoàn Ngọc H1 đã được xác nhận thông tin về nơi cư trú tại Thôn M, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị Lan H và bị đơn ông Đoàn Ngọc H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông H1 vắng mặt lần hai do vậy tòa án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Lê Thị Lan H và ông Đoàn Ngọc H1 có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bà H và ông H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì bà H và ông H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2019 đến nay bà H và ông H1 đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình H1 phúc. Tuy nhiên, ông H1 đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H1. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Lan H và ông Đoàn Ngọc H1 có 03 con chung là Đoàn Thị Diệu L, sinh ngày 07/10/2009; Đoàn Ngọc H3, sinh ngày 19/7/2012 và Đoàn Ngọc K, sinh ngày 27/3/2014. Hiện các con chung đang sống cùng bà Lê Thị Lan H. Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà H thấy rằng, cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên, các con chung đang ở với bà H và có nguyện vọng ở với bà H, hiện tại bà H và ông H1 đã sống ly thân, do vậy việc giao các con chung là Đoàn Thị Diệu L; Đoàn Ngọc H3 và Đoàn Ngọc K cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Lan H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lan H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Lan H được ly hôn với ông Đoàn Ngọc H1.

2. Về con chung:

Giao con chung là Đoàn Thị Diệu L, sinh ngày 07/10/2009; Đoàn Ngọc H3, sinh ngày 19/7/2012 và Đoàn Ngọc K, sinh ngày 27/3/2014 cho bà Lê Thị Lan H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. (Theo nguyện vọng của con chung)

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0005243 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà Lê Thị Lan H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Lê Thị Lan H và ông Đoàn Ngọc H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng